

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:51/2019/HS-ST
Ngày 31-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh

Ông Đàm Công Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết Đ2 đưa vụ án ra xét xử số 1319/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn T' M, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1990 tại Hải Phòng. ĐKKHKT: Số x đường T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số xx đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Quản giáo Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng (ngày 22 tháng 4 năm 2019 bị tước danh hiệu Công an nhân dân); trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T' C (đã chết) và bà Hoàng Thị H; có vợ là Hồ Thanh H' và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22 tháng 4 năm 2019; có mặt.

Bị hại:

1. Chị Đào Thị Đ, sinh năm 1978; trú tại: Thôn V, xã T, Huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Lý Thị Thu H, sinh năm 1976; trú tại: Số i Nhà x, tập thể N, phường P, quận H, Hà Nội; vắng mặt.

3. Anh Đỗ Quang H, sinh năm 1982; trú tại: T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị Thúy Q, sinh năm 1989; trú tại: Thôn C, xã N, Hện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Bà Bùi Thị U, sinh năm 1969; trú tại: Số y đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ dân phố số z, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; trú tại: quận H, thành phố Hải Phòng (không xác Đ2 được địa chỉ cụ thể của anh T); vắng mặt.

Người làm chứng:

Chị Hồ Thanh H', ông Nguyễn Văn Đ', bà Trương Thị Bích Q, ông Vũ Văn M; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn T' M là cán bộ Quản giáo Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, được phân công trực gác theo ca (Quản giáo đi ca), nhiệm vụ là trực gác bên ngoài các buồng giam (không có nhiệm vụ quản lý trực tiếp buồng giam và các can phạm trong buồng giam), khi phát hiện vi phạm thì báo cáo ban chỉ huy đội Quản giáo và lãnh đạo Trại tạm giam xử lý. Trong thời gian tháng 4/2018, khi thực hiện nhiệm vụ trực gác, Nguyễn T' M đã móc nối với các bị can trong buồng giam đưa điện thoại cho họ gọi điện ra ngoài và thống nhất người nghe điện thoại phải trả tiền cho Nguyễn T' M từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng/một cuộc gọi. Nguyễn T' M đã thực hiện và lấy tiền nghe điện thoại từ người thân các bị can, cụ thể như sau:

- Lần 1: Trong ca trực ngày 12 tháng 4 năm 2018, vào khoảng 16 giờ 30 phút, Nguyễn T' M đến cửa Buồng giam AC11 và đưa điện thoại di động Nokia màu vàng có số thuê bao 0898.252.168 vào buồng giam cho bị can Nguyễn Văn T' (bị khởi tố về tội Mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng), T' dùng chiếu cuộn lại đón lấy điện thoại và T' đã gọi điện cho vợ là Đào Thị Đ, trú tại V, T, A, thành phố Hải Phòng để hỏi thăm tình hình và sức khỏe gia đình. Sau đó, T' đưa điện thoại cho bị can Nguyễn Văn Đ (bị khởi tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), Đạt gọi điện cho bố là ông Nguyễn Văn Đ', trú tại H, Y, Quảng Ninh nhưng ông Đ' không nghe máy nên T' đã ném điện thoại ra ngoài buồng giam trả cho Nguyễn T' M. Sau khi nhận lại điện thoại, M điện cho

chị Lý Thị Thu H, trú tại số i Nhà x, N, H, Hà Nội (là vợ bị can Đỗ Quang D - Buồng giam AC8. M có số điện thoại chị H là do bị can D đã cho trước đó). M giới thiệu là Quản giáo trực tiếp quản lý bị can D, hỏi chị H có muốn nói chuyện điện thoại với D không thì chị H đồng ý. M nói phải trả 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại. Chị H trình bày hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ, M đồng ý giá 500.000 đồng. Do chị H đang đi trên đường nên hẹn 18 giờ 30 phút cùng ngày sẽ nghe điện thoại của bị can D. Tiếp theo, M điện thoại cho Đỗ Quang H, trú tại L, B, H, Hà Nội (H là em trai bị can Đỗ Quang D - Buồng giam AC8, số điện thoại của H do bị can D cho M). M giới thiệu với H là Quản giáo đang trực tiếp quản lý bị can D và hỏi H có muốn nói chuyện với D không, H đồng ý. M nói phải trả 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại. H đồng ý, M nói 2 -3 phút nữa H gọi lại vào số máy này để nói chuyện với bị can D. Ngay sau đó M đã đưa điện thoại Nokia có số thuê bao 0898.252.168 vào buồng giam AC8 cho bị can Đỗ Quang D. Anh Đỗ Quang H đã điện thoại vào số máy trên gặp và nói chuyện với bị can D hỏi thăm nhau về sức khỏe gia đình. Sau đó bị can D đưa điện thoại cho bị can Hoàng Danh D (bị khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy), D điện thoại về cho vợ là Phạm Thị Thúy Q, trú tại C, N, Hải Phòng. Tiếp đó, điện thoại được chuyển cho bị can Nguyễn Đức D (bị khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy). D điện thoại về cho mẹ là bà Bùi Thị U, trú tại đường Đ, C, Q, Hải Phòng hỏi thăm sức khỏe gia đình. Sau khi các bị can gọi điện xong, điện thoại được ném ra ngoài trả cho Nguyễn T' M. Đến giờ hẹn với chị H, khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, M lại đưa điện thoại trên vào buồng giam AC8 cho bị can Đỗ Quang D gọi về cho vợ Lý Thị Thu H nói chuyện và hỏi thăm sức khỏe gia đình. Sau khi điện xong, D ném điện thoại ra ngoài trả cho M và M về Đội quản giáo bàn giao ca trực rồi về nhà.

Căn cứ vào danh sách cuộc gọi được lưu trong điện thoại, Nguyễn T' M đã điện thoại đến các gia đình bị can, yêu cầu họ trả tiền nghe điện thoại cho M. Cụ thể:

M điện thoại cho bà Bùi Thị U (mẹ bị can Nguyễn Đức Đ, buồng giam AC8), M giới thiệu là cán bộ Quản giáo đang trực tiếp quản lý Nguyễn Đức D và yêu cầu bà U trả cho M số tiền 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại trên, bà Uyên hẹn M đến nhà lấy tiền. Khoảng 20 giờ cùng ngày 12/4/2018, M đã đến nhà bà U tại đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng nhận 2.000.000 đồng để trong phong bì. Sau đó khoảng 01 tháng, M biết con gái của bà U học cùng với vợ M là Hồ Thanh H' nên đã trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho bà U;

M điện thoại cho chị Đào Thị Đ (vợ bị can Nguyễn Văn T' ở buồng giam AC11), M giới thiệu là cán bộ Quản giáo đang trực tiếp quản lý bị can Nguyễn Văn T' và yêu cầu chị Đ trả số tiền 1.500.000 đồng cho cuộc điện thoại T gọi về trên. Khoảng 20 giờ tối hôm sau theo hẹn với chị Đ, M đã đến trước cửa Nhà hát lớn thành phố Hải Phòng nhận của chị Đ 1.500.000 đồng.

M đã điện thoại cho chị Lý Thị Thu H và nhắn tin cho H số tài khoản của vợ M là Hồ Thanh H' và yêu cầu chị H cHển 500.000 đồng tiền cuộc điện thoại với bị can D. Tối ngày 12/4/2018, chị H đã cHển khoản số tiền 500.000 đồng từ tài khoản của H cho M qua tài khoản của Hồ Thanh H'.

M đã điện lại cho Đỗ Quang H yêu cầu cHển ngay 2.000.000 đồng. H nói khi nào H xuống Trại tạm giam thăm bị can D sẽ đưa tiền cho M vì lý do lúc này Ngân hàng đã hết giờ hành chính không cHển tiền được. M không đồng ý và nói: *“Việc này không phải chỉ riêng mình tôi, còn nhiều người khác nữa, đừng làm khó cho tôi, mai sau D xảy ra việc gì đừng có trách, lúc đó khó mà giúp đỡ”* để đe dọa H. Nghe M nói vậy, H sợ và lo lắng cho sự an toàn của anh trai là Đỗ Quang D đang bị tạm giam mà phạt ý Quản giáo sẽ bị đối xử không tốt... nên ngay lúc đó H đã điện thoại cho em họ là Nguyễn Hồng N, trú tại Đ, N, H, Hà Nội, nhờ Nhung cHển khoản ngay cho M. Trong tối 12/4/2018, Nguyễn Hồng N đã sử dụng dịch vụ Internet Banking cHển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản của Hồ Thanh H' (vợ M). Số tiền chị H và anh H đã cHển khoản cho M đã được Hồ Thanh H' rút ra và đưa lại cho Nguyễn T' M sử dụng hết.

Riêng đối với gia đình bị can Nguyễn Văn Đ buồng giam AC11, sau khi thấy số máy lạ 0898.252.168 điện thoại vào số máy của chồng là ông Nguyễn Văn Đ chiều ngày 12/4/2018. Tối cùng ngày, bà Trương Thị Bích Q (mẹ của bị can Đ) đã dùng điện thoại của chồng là ông Đ' điện lại số máy trên và gặp M. Sau khi biết người gọi đến là mẹ bị can Đ, M giới thiệu là quản giáo đang quản lý bị can Đ và yêu cầu trả số tiền 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại bị can Đ gọi về nhà. Bà Q nói để hỏi ý kiến của chồng sẽ thông báo sau nên M chưa lấy được số tiền này.

Tổng số tiền Nguyễn T' M đã chiếm đoạt được từ người nhà các bị can nghe điện thoại ngày 12 tháng 4 năm 2018 là 6.000.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13 tháng 4 năm 2018, trong ca trực của mình, Nguyễn T' M lại tiếp tục ném điện thoại Nokia qua cửa sổ vào buồng giam AC8 cho can phạm Hoàng Danh D để các can phạm gọi điện thoại về nhà. D đã sử dụng điện thoại gọi về cho vợ là Phạm Thị Thúy Q; bị can Đỗ Quang D điện về cho vợ là Lý Thị Thu H nói cHện hỏi thăm sức khỏe gia đình. Sau khi D, D điện xong thì ném điện thoại ra ngoài trả M. M đã điện lại cho chị Lý Thị Thu H và yêu cầu H phải trả cho M số tiền 2.000.000 đồng. Vì không có sự thỏa thuận trước với M về việc điện thoại với bị can D nên chị H nói *“Chị có thống nhất đồng ý điện thoại với em đâu mà sao phải trả tiền”*. Lúc đó M đã nói với H *“Việc này không phải chỉ riêng mình tôi, còn nhiều người khác nữa, đừng làm khó cho tôi, mai sau D xảy ra việc gì thì đừng có trách, lúc đó khó mà giúp đỡ”*. Nghe M nói như vậy, vì sợ và lo lắng, không yên tâm cho sự an toàn của chồng đang trong trại tạm giam nên chị H buộc phải chấp nhận đồng ý nhưng xin chậm thời gian để thu xếp

tiền bởi gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ, M đồng ý. Những ngày sau, M nhiều lần điện thoại cho chị H yêu cầu đưa tiền. Đến ngày 25/4/2018, chị H đã thu xếp được và cHển số tiền 2.000.000 đồng qua tài khoản của vợ M là Hồ Thanh H'. Số tiền đó đã được Hồ Thanh H' rút ra đưa cho M sử dụng hết.

Đối với Phạm Thị Thúy Q, M cũng điện thoại và giới thiệu là quản giáo đang quản lý trực tiếp bị can Hoàng Danh D và yêu cầu chị Q trả số tiền 1.000.000 đồng cho cuộc điện thoại bị can D đã gọi trên; khoảng 17 giờ hôm sau theo hẹn trước, M đã gặp chị Q cách cổng Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng khoảng 100m, nhận của chị Q 1.000.000 đồng, M đã sử dụng ăn tiêu hết.

Tổng số tiền Nguyễn T' M đã chiếm đoạt được từ người nhà các bị can nghe, gọi điện thoại ngày 13 tháng 4 năm 2018 là 3.000.000 đồng.

- Lần 3: Khoảng 21 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2018, trong ca trực gác của mình, Nguyễn T' M lại ném điện thoại Nokia qua cửa sổ vào buồng giam AC8 để các can phạm điện thoại ra ngoài cho người thân gia đình. Bị can Hoàng Danh D đã điện về cho vợ là Phạm Thị Thúy Q; bị can Phạm Văn N điện về cho bạn là Nguyễn Văn T (T1 là đối tượng lang thang không nhà cửa); bị can Nguyễn Bình Đ2 điện về cho bạn là Nguyễn Duy T (trú tại B, K, Hải Phòng); bị can Vũ Ngọc H điện về cho anh trai là Vũ Văn M (trú tại L, L, Hải Phòng) nói cHện hỏi thăm sức khỏe. Sau khi các bị can điện thoại liên lạc xong, đã ném điện thoại ra ngoài trả cho M.

M điện thoại cho anh Nguyễn Duy T (bạn bị can Nguyễn Bình Đ2), giới thiệu là cán bộ quản giáo đang trực tiếp quản lý bị can Đ2 và yêu cầu anh Tân trả 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại trên. Do thấy số tiền M yêu cầu lớn hơn nhiều lần so với số tiền Đ2 nhờ trả, nên T nói *“Sao nhiều thế, em nó bảo chỉ hết 500.000 thôi, sao lại đòi 2.000.000”* M nói với T: *“Việc này không phải chỉ riêng mình tôi, còn nhiều người khác nữa”* và yêu cầu Tân cHển 2.000.000 đồng trên. Vì không thể liên lạc với Đ2 và không còn cách nào khác, T đã buộc phải cHển cho M số tiền 2.000.000 đồng ngay trong tối 17/4/2018 vào tài khoản của Hồ Thanh H' (vợ M). Số tiền này Hằng đã rút ra đưa cho M sử dụng hết.

M đã điện thoại cho anh Nguyễn Văn T (bạn bị can Phạm Văn N), giới thiệu là cán bộ quản giáo đang trực tiếp quản lý bị can Nguyên và yêu cầu anh T trả số tiền 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại trên. Buổi trưa hôm sau tại ngã ba Nguyên Hồng chân cầu An D, Hải Phòng, M đã nhận của Tuấn 1.000.000 đồng. Sau nhiều lần điện thoại yêu cầu T' trả nốt tiền, mấy hôm sau vào buổi chiều cũng tại địa điểm trên Nguyễn T' M đã nhận của Tuấn (qua người xã hội Tuấn nhờ) 1.000.000 đồng, số tiền trên M ăn tiêu hết.

M đã điện thoại cho chị Phạm Thị Thúy Q (vợ bị can Hoàng Danh D), nhắn tin cho Q số tài khoản và yêu cầu Q cHển cho M số tiền là 1.000.000 đồng. Sau

nhiều lần điện thoại yêu cầu Q trả tiền, đến ngày 25/4/2018 chị Q đã nhờ bạn là Lê Thị Thu H, trú tại Q, N, Hải Phòng cHển cho M 1.000.000 đồng qua tài khoản của Hồ Thanh H' (vợ M). Số tiền trên Hằng đã rút ra đưa cho M sử dụng ăn tiêu hết.

M đã điện thoại cho anh Vũ Văn M (anh trai bị can Vũ Ngọc H), giới thiệu là cán bộ quản giáo đang trực tiếp quản lý bị can Hải và yêu cầu anh M trả cho M số tiền 2.000.000 đồng cuộc điện thoại trên. Khoảng 2-3 hôm sau anh M và M gặp nhau tại quán cà phê gần nhà anh M. Anh M trình bày hoàn cảnh khó khăn không có tiền và nói việc làm của M là vi phạm. Do đó, M không yêu cầu anh M đưa tiền và ra về luôn.

Tổng số tiền Nguyễn T' M đã chiếm đoạt được từ người nhà các bị can nghe điện thoại ngày 17 tháng 4 năm 2018 là 5.000.000 đồng.

- Lần 4: Khoảng 12 giờ ngày 25 tháng 4 năm 2018, trong ca trực của mình, sau khi đã hẹn với chị Đào Thị Đ cho nói cHển với bị can Nguyễn Văn T' buồng giam AC11, Nguyễn T' M đã ném điện thoại Nokia vào Buồng AC11 cho bị can T' gọi cho vợ là Đào Thị Đ nói cHển hỏi thăm sức khỏe gia đình. Sau đó bị can Nguyễn Văn Đ điện thoại cho bố là ông Nguyễn Văn Đ nhưng ông Đ' không nghe máy. Sau khi các can phạm điện xong ném điện thoại ra ngoài trả cho M. M đã điện thoại yêu cầu bà Q (mẹ bị can Đ) trả số tiền 2.000.000 đồng cho cuộc điện thoại bị can Đ đã gọi về gia đình. Bà Q nói khó khăn không có tiền. Ngay sau đó bà Q đã phản ánh việc sai phạm trên đến Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Chiều cùng ngày 25/4/2019, M bị lãnh đạo Trại tạm giam gọi lên làm việc. M đã thừa nhận hành vi vi phạm và bị lãnh đạo Trại tạm giam thu giữ chiếc điện thoại Nokia nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSTC-V6 ngày 18 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo Nguyễn T' M về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại như nội dung Cáo trạng.

Trong lời luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn T' M từ 03 năm đến 04 năm tù. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất Đ2 trong thời hạn từ 02 năm đến 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng. Riêng các bị hại Đỗ Quang H, Nguyễn Duy T, Đào Thị Đ, Phạm Thị Thúy Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.500.000 đồng; tạm giữ của bị cáo 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di Đ hiệu Iphone màu đỏ.

Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên. Tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ2 như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết Đ2 tố tụng của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ2 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết Đ2 của Cơ quan T' hành tố tụng, người T' hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ2 tố tụng của Cơ quan T' hành tố tụng, người T' hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn T' M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, phù hợp với tài liệu xác M tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư Việt Nam chi nhánh Hải Phòng, tại Tổng công ty viễn thông Mobifone, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Nguyễn T' M là cán bộ Quản giáo Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, từ ngày 12 tháng 4 đến ngày 25 tháng 4 năm 2018, trong khi thực hiện nhiệm vụ trực gác đã vi phạm quy chế nghiệp vụ, nhiều lần đưa điện thoại vào buồng giam để các bị can đang bị tạm giam sử dụng điện thoại liên lạc ra bên ngoài cho người thân, bạn bè để nói chuyện hỏi thăm tình hình sức khỏe gia đình. Sau đó M đã gọi điện yêu cầu gia đình, người thân của các bị can phải nộp tiền nghe, gọi 01 cuộc điện thoại từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Khi gọi điện cho họ, bị cáo đã có thủ đoạn gian dối trong việc giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời có những lời lẽ đe dọa, uy hiếp về tinh thần đối với các gia đình can phạm trong 02 buồng giam AC8 và AC11 khi có ý kiến về khoản tiền phải nộp, làm cho họ lo sợ về sự an toàn của người thân, bạn mình đang bị tạm giam mà buộc phải đưa số tiền mà M yêu cầu. Tổng số tiền Nguyễn T' M đã chiếm đoạt được thông qua hình thức nhận tiền nghe, gọi điện thoại là 14.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã sử dụng cho mục đích chi tiêu cá nhân. Hành vi của Nguyễn T' M đã vượt quá quyền hạn công vụ được giao, vi phạm vào khoản 6 Điều 4 Thông tư 36/2017/TT-BCA ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công an ban hành về Nội quy cơ sở giam giữ và vi phạm nội quy, quy Đ2 của Trại Tạm giam Công an thành phố Hải Phòng trong hoạt Đ

chống thông cung quy Đ2 "Cán bộ chiến sỹ Trại Tạm giam Công an thành phố Hải Phòng làm việc trực tiếp với can phạm nhân, không được mang điện thoại và các phương tiện thông tin khác vào khu vực giam giữ can phạm nhân...". Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn T' M phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết Đ2 khung hình phạt: Từ ngày 12 tháng 4 năm 2018 đến ngày 25 tháng 4 năm 2018, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi đưa điện thoại vào các buồng tạm giam AC8, AC11 để các can phạm đang bị tạm giam gọi điện về cho gia đình và bạn bè, chiếm đoạt tổng số tiền 14.000.000 đồng, cụ thể: chị Đào Thị Đ 1.500.000 đồng, chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đồng, anh Đỗ Quang H 2.000.000 đồng, chị Phạm Thị Thúy Q 2.000.000 đồng, bà Bùi Thị U 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy T 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm hại đến hoạt Đ đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây dư luận xấu ở địa phương. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai ra những hành vi phạm tội trước; bản thân bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để trả lại cho các bị hại; quá trình công tác bị cáo được tặng H chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba; có ông nội là người có công với cách mạng; bố đẻ được tặng H chương vì an ninh tổ quốc; anh trai được tặng H chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Hành vi của bị cáo cho các bị can trong trại tạm giam sử dụng điện thoại gọi về gia đình và bạn bè không làm ảnh hưởng đến kết quả điều tra, truy tố, xét xử đối với các đối tượng trên. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung : Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội một thời gian theo khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo có hành vi chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 14.000.000 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của chị Đào Thị Đ 1.500.000 đồng, chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đồng, anh Đỗ Quang H 2.000.000 đồng, chị Phạm Thị Thúy Q 2.000.000 đồng, bà Bùi Thị U 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy T 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp lại để khắc phục hậu quả. Hội đồng xét xử xét: Đối với số tiền chiếm đoạt của bà Bùi Thị U bị cáo đã trả lại cho bà Uyên, đến nay bà Uyên không có yêu cầu gì khác; các bị hại Lý Thị Thu H, Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng. Riêng các bị hại Đỗ Quang H, Nguyễn Duy T, Đào Thị Đ, Phạm Thị Thúy Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di Đ nhãn hiệu Nokia màu vàng đã qua sử dụng, seri 1:353649069931100, số sim 0898.252.168; 01 điện thoại di Đ hiệu Iphone màu đỏ, số Imei: 352017070865462, số sim 01213296197, xét: 01 điện thoại di Đ nhãn hiệu Nokia màu vàng, số sim 0898.252.168 là điện thoại bị cáo Nguyễn T' M sử dụng cho các can phạm gọi về gia đình, đây được coi là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại di Đ hiệu Iphone màu đỏ, số sim 01213296197 không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[11] Số tiền 14.000.000 đồng bị cáo M nộp để khắc phục hậu quả, cần: Trả cho chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng; số tiền 7.500.000 đồng các bị hại Đỗ Quang H, Nguyễn Duy T, Đào Thị Đ, Phạm Thị Thúy Q không yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng xét đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 2.000.000 đồng còn thừa trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ2 của pháp luật.

Đối với Hồ Thanh H' đã 05 lần nhận tiền cHển khoản hộ Nguyễn T' M, tổng số là 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị Hằng không biết việc Nguyễn T' M thực hiện hành vi phạm tội, không biết người gửi tiền, việc nhận tiền do M nhờ. Chị Hằng đã rút tiền cHển lại cho M sử dụng nên Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao không xử lý đối với Hồ Thanh H' là có căn cứ.

Đối với Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, liên quan đến trách nhiệm về quản lý giam giữ để xảy ra việc Nguyễn T' M phạm tội. Tài liệu điều tra thấy việc quản lý giam giữ can phạm được Trại tạm giam ban hành đầy đủ quy trình,

nội quy theo quy Đ2 của pháp luật và ngành Công an. Việc Nguyễn T' M thực hiện hành vi phạm tội đã được Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng phát hiện và kịp thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn. Mặt khác, khi thực hiện tội phạm Nguyễn T' M đã cố tình che giấu hành vi. Vì vậy, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao không xử lý trách nhiệm đối với Lãnh đạo của Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn T' M 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22 tháng 4 năm 2019. Cấm Nguyễn T' M đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội trong thời hạn 02(hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lý Thị Thu H 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đ (hai triệu đồng). Toàn bộ số tiền trên bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ (thể hiện tại ủy nhiệm chi cHên khoản, cHên tiền điện tử ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tới Chi cục Thi hành án dân sự Hện An Lão, thành phố Hải Phòng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Trả cho chị Lý Thị Thu H 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn T 2.000.000 đ (hai triệu đồng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di Đ nhãn hiệu Nokia màu vàng, đã qua sử dụng, seri 1:353649069931100, số sim 0898.252.168.

- Tạm giữ 2.000.000đ (hai triệu đồng) của bị cáo Nguyễn T' M để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả cho bị cáo Nguyễn T' M 01 điện thoại di Đ hiệu Iphone màu đỏ, số Imei: 352017070865462, số sim 01213296197.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện An Lão, thành phố Hải Phòng và Ủy nhiệm chi cHên khoản, cHên tiền điện tử ngày 25 tháng 9 năm 2019

của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tới Chi cục Thi hành án dân sự Hện An Lão, thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết Đ2 được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ2 tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy Đ2 tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan điều tra VKSND tối cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Công an Hện An Lão; Cơ quan THA hình sự CA Hện An Lão;
- Viện kiểm sát nhân dân Hện An Lão;
- Chi cục THADS Hện An Lão;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan điều tra VKSND tối cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Công an Hện An Lão; Cơ quan THA
hành sự CA Hện An Lão;
- Viện kiểm sát nhân dân Hện An Lão;
- Chi cục THADS Hện An Lão;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thanh Vân

